

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành các chương trình đào tạo liên thông giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học hệ chính quy năm 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm nhiệm kỳ 2014-2019;

Căn cứ quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ kết luận của Hội đồng đào tạo liên thông giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học hệ chính quy, năm học 2017-2018, ban hành kèm theo Quyết định số 1142/QĐ-ĐHNL ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành các chương trình đào tạo liên thông giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học hệ chính quy (kèm theo chương trình đào tạo) các ngành:

- Chăn nuôi; - Công thôn;
- Khoa học cây trồng; - Lâm học;
- Quản lý đất đai.

Điều 2. Các chương trình đào tạo liên thông giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học hệ chính quy được áp dụng cho khóa tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2017.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trong trường, Trưởng các khoa: Chăn nuôi Thú y, Cơ khí công nghệ, Nông học, Lâm nghiệp và Tài nguyên đất và Môi trường nông nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *lebae*

Nơi nhận:

- Ban Đào tạo-ĐHH;
- Như điều 3;
- Lưu VT.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
LIÊN THÔNG TỪ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY,
TUYỂN SINH NĂM 2017

(Ban hành kèm theo quyết định số 1117/QĐ- DHNL ngày 19 tháng 10 năm 2017
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế)

1. NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Thời gian đào tạo: 1,5 năm

Tổng số: 37 đơn vị tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng ngành QLĐĐ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			2
I. Khoa học xã hội và nhân văn			2
1	KNPT14602	Xã hội học đại cương	2
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			35
I. Kiến thức cơ sở ngành			7
2	TNMT31033	Thực hành xây dựng bản đồ	3
3	TNMT25502	Trắc địa ảnh và viễn thám	2
4	TNMT21302	Hệ thống định vị toàn cầu	2
II. Kiến thức ngành			11
<i>Bắt buộc</i>			5
5	TNMT24402	Thị trường bất động sản	2
6	TNMT 29903	Thực hành đăng ký đất đai và bất động sản	3
<i>Tự chọn (chọn 6/14 tín chỉ)</i>			6
7	TNMT29202	Thanh tra đất đai	2
8	TNMT29102	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
9	TNMT20702	Đánh giá tác động môi trường	2
10	TNMT22002	Kinh tế đất	2
11	TNMT23002	Quản lý đất nông nghiệp bền vững	2
12	TNMT23802	Suy thoái và phục hồi đất	2
13	TNMT24002	Tài nguyên đất đai	2
III. Kiến thức bổ trợ			4
14	TNMT27402	Quản lý xây dựng đô thị	2
15	KNPT24802	Xây dựng và quản lý dự án	2
IV. Thực tập nghề nghiệp			3
16	TNMT24702	Thực tế nghề QLĐ	3
V. Khóa luận tốt nghiệp			10
17	TNMT21910	Khóa luận tốt nghiệp QLĐ	10
KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA			37

Điều kiện tốt nghiệp:

- Tiếng Anh: Chứng chỉ Ngoại ngữ A2;
- Bổ sung Giáo dục thể chất;
- Bổ sung Giáo dục quốc phòng.



2. NGÀNH CHĂN NUÔI

Thời gian đào tạo: 1,5 năm

Tổng số: 30 đơn vị tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng ngành Chăn nuôi

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
I	Kiến thức ngành		14
	<i>Tự chọn (14/20)</i>		<i>14</i>
1	CKCN20102	An toàn thực phẩm	2
2	KNPT20902	Kinh doanh nông nghiệp và dịch vụ nông thôn	2
3	KNPT21202	Kinh tế nông nghiệp	2
4	KNPT23202	Quản lý nông trại	2
5	CNTY20202	Bệnh dinh dưỡng	2
6	CNTY20103	Bệnh chung giữa người và động vật	3
7	CNTY21503	Dịch tễ học thú y	3
8	CNTY23302	Thụ tinh nhân tạo	2
9	CNTY21302	Công nghệ sinh học ứng dụng trong chăn nuôi - thú y	2
II	Kiến thức bổ trợ		6
10	KNPT21602	Kỹ năng mềm	2
11	KNPT24802	Xây dựng và quản lý dự án	2
12	KNPT23002	Phương pháp tiếp cận khoa học	2
III	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế		10
14	CNTY24506	Báo cáo chuyên đề Tốt nghiệp CN	6
15	CNTY24802	Quản lý trang trại chăn nuôi	2
16	CNTY24702	Quản lý dịch bệnh trang trại chăn nuôi	2
		KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	30

Điều kiện tốt nghiệp:

- Tiếng Anh: Chứng chỉ Ngoại ngữ A2;
- Bổ sung Giáo dục thể chất;
- Bổ sung Giáo dục quốc phòng.

3. NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG

Thời gian đào tạo: 1,5 năm;

Tổng số: 31 đơn vị tín chỉ;

Đối tượng tuyển sinh: Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng ngành Khoa học cây trồng.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
I	Kiến thức ngành		14
	<i>Bắt buộc</i>		6
1	NHOC21802	Công nghệ sinh học ứng dụng trong cây trồng	2
2	NHOC22602	Hoa, cây cảnh và thiết kế cảnh quan	2
3	NHOC21202	Cơ đại	2
	<i>Tự chọn (8/14)</i>		8
4	NHOC26302	Thực hành nông nghiệp tốt và nông nghiệp an toàn	2
5	NHOC23802	Kỹ thuật trồng cây không đất	2
6	KNPT20902	Kinh doanh nông nghiệp và dịch vụ nông thôn	2
7	KNPT21202	Kinh tế nông nghiệp	2
8	KNPT23202	Quản lý nông trại	2
9	KNPT22902	Phương pháp khuyến nông	2
10	LNGH23702	Nông lâm kết hợp	2
II	Kiến thức bổ trợ		4
11	KNPT24802	Xây dựng và quản lý dự án	2
12	KNPT23002	Phương pháp tiếp cận khoa học	2
III	Thực tập nghề nghiệp		3
13	NHOC26702	Thực tế nghề KHCT	3
IV	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế		10
14	NHOC23110	Khóa luận tốt nghiệp KHCT	10
		KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	31

Điều kiện tốt nghiệp:

- Tiếng Anh: Chứng chỉ Ngoại ngữ A2;
- Bổ sung Giáo dục thể chất;
- Bổ sung Giáo dục quốc phòng.

4. NGÀNH LÂM HỌC

Thời gian đào tạo: 1,5 năm;

Tổng số: 36 đơn vị tín chỉ;

Đối tượng tuyển sinh: Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng ngành Lâm học (Lâm nghiệp).

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
I	Kiến thức cơ sở ngành		4
1	LNGH22002	Giống cây rừng	2
II	Kiến thức ngành		15
	Bắt buộc		11
2	LNGH21702	Điều tra rừng	2
3	LNGH23002	Kỹ thuật lâm sinh	2
4	LNGH23802	Phòng và chống cháy rừng	2
5	LNGH24202	Quy hoạch và điều chế rừng	2
6	LNGH25803	Trồng rừng	3
7	LNGH24102	Quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp	2
	Tự chọn (4/19)		4
8	KNPT21202	Kinh tế nông nghiệp	2
9	TNMT21403	Hệ thống thông tin địa lý	3
10	LNGH20302	Bảo tồn đa dạng sinh học	2
11	LNGH23502	Nghiệp vụ hành chính lâm nghiệp	2
12	LNGH24002	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2
13	LNGH25702	Tổ chức và quản lý các loại rừng	2
14	TNMT25404	Trắc địa	4
15	LNGH23302	Lâm nghiệp xã hội	2
III	Kiến thức bổ trợ		4
16	KNPT21602	Kỹ năng mềm	2
17	KNPT24802	Xây dựng và quản lý dự án	2
IV	Thực tập nghề nghiệp		3
18	LNGH25102	Thực tế nghề LN	3
V	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế		10
19	LNGH22710	Khóa luận tốt nghiệp LN	10
	KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA		36

Điều kiện tốt nghiệp:

- Tiếng Anh: Chứng chỉ Ngoại ngữ A2;
- Bổ sung Giáo dục thể chất;
- Bổ sung Giáo dục quốc phòng.

6. NGÀNH CÔNG THÔN

Thời gian đào tạo: 1,5 năm;

Tổng số: 30 đơn vị tín chỉ;

Đối tượng tuyển sinh: Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng ngành Công thôn.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
I	Kiến thức cơ sở ngành		2
1	CKCN24502	Kỹ thuật an toàn và môi trường	2
II	Kiến thức ngành		9
	Bắt buộc		9
2	CKCN21032	Đồ án hệ tông cốt thép tổng hợp	2
3	CKCN24802	Kỹ thuật đồ họa	2
4	CKCN25003	Kỹ thuật thi công và quản lý công trình	3
5	CKCN23702	Kết cấu nhà thép	2
III	Kiến thức bổ trợ		6
6	KNPT21602	Kỹ năng mềm	2
7	KNPT24802	Xây dựng và quản lý dự án	2
8	KNPT23002	Phương pháp tiếp cận khoa học	2
IV	Thực tập nghề nghiệp		3
9	CKCN28302	Thực tế nghề CT	3
V	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế		10
10	CKCN24110	Khóa luận tốt nghiệp CT	10
		KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	30

Điều kiện tốt nghiệp:

- Tiếng Anh: Chứng chỉ ngoại ngữ A2;
- Bổ sung Giáo dục thể chất;
- Bổ sung Giáo dục quốc phòng.

